

THUYẾT MINH

Cơ sở xây dựng nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ thông tin và truyền thông thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
2. Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội khóa XIV;
3. Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH 13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội khóa XIII;
4. Căn cứ Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;
5. Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
6. Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;
7. Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;
8. Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;
9. Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;
10. Căn cứ Thông tư số 17/2015/TT-BTTTT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí”;

11. Căn cứ Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông;

12. Căn cứ Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách năm 2023.

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NỘI DUNG, MỨC CHI DUY TRÌ, VẬN HÀNH CUNG CẤP DỊCH VỤ THÔNG TIN CÔNG CỘNG TẠI CÁC ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG CỘNG PHỤC VỤ TIẾP CẬN THÔNG TIN CỦA NHÂN DÂN; TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ Ở CÁC XÃ CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN.

1. Chi hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

a) Thù lao làm thêm 68 giờ/tháng (*bao gồm 02 giờ/ngày làm việc và 06 giờ/ngày thứ 7 hàng tuần*) cho nhân viên trực điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Mức chi: 1.435.000 đồng/điểm/tháng.

Cơ sở đề xuất:

- Căn cứ điểm d, Mục 2.1.2, Thông tư số 17/2015/TT-BTTTT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí”, quy định: “*Thời gian phục vụ tại các điểm phục vụ khác: tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc,*”. Do đó, nhân viên trực điểm phục vụ bưu chính công cộng với thời gian tối thiểu 04 giờ/ ngày làm việc (*không bao gồm ngày Thứ 7, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước*). Hiện nay, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam ủy quyền cho Bưu điện tỉnh Bắc Kạn hợp đồng thuê khoán với nhân viên trực điểm phục vụ bưu chính công cộng với mức lương cố định bình quân là 1.094.500 đồng/điểm/tháng.

Trong khi đó tại điểm đ, Khoản 4, Điều 5, Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, quy định: “*Thời gian phục vụ: Tối thiểu 06 giờ/ngày, từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước)*).

Mặt khác, tại Khoản 3, Điều 5 Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định:

“*Nội dung hoạt động của các điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng:*

a) *Tiếp nhận các xuất bản phẩm, báo chí in từ Dự án và các chương trình, đề án khác để phục vụ nhân dân trên địa bàn;*

b) Phục vụ (miễn phí) người dân đọc, sách, báo, tạp chí (bao gồm xuất bản phẩm điện tử và báo điện tử);

c) Cung cấp dịch vụ phục vụ truy nhập internet băng rộng để người dân khai thác các thông tin thiết yếu, đọc các xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.”

Như vậy, nhân viên 01 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phải trực thêm tổng số giờ là: (2 giờ x 22 ngày làm việc) + (6 giờ/thứ 7 x 4 tuần) = 68 giờ/tháng.

Do đó, để triển khai thực hiện nội dung hoạt động điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng cần thiết phải hỗ trợ thù lao cho nhân viên trực điểm phục vụ bưu chính công cộng có nguồn thu nhập ổn định, đảm bảo cuộc sống; yên tâm công tác; nhiệt tình phục vụ miễn phí người dân ở các vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn với mức hỗ trợ là: 1.435.200 đồng/điểm/tháng. (đề xuất làm tròn là 1.435.000 điểm/điểm/tháng).

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Số giờ làm thêm trong tuần (giờ)	Đơn giá (đồng)	Số tiền (đồng)	Số giờ làm thêm ngày thứ 7 (giờ)	Đơn giá (đồng)	Số tiền (đồng)	Tổng số tiền (3)+(6) (đồng)	Căn cứ pháp lý
44	15.600	686.400	24	15.600x200%	748.800	1.435.200	- Căn cứ Khoản 1, Điều 3, Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, quy định mức lương tối thiểu của vùng IV là 15.600đ/giờ - Căn cứ điểm b, Khoản 1, Điều 98 Bộ Luật Lao động ngày 20/11/2019

b) Tiền điện để duy trì hoạt động của máy tính, điện thắp sáng, quạt điện, phục vụ nhân dân thêm 68 giờ/tháng (bao gồm 2 giờ/Ngày làm việc và 06 giờ ngày thứ 7 hàng tuần). Mức chi: 75.000 đồng/điểm/tháng.

Cơ sở đề xuất:

Theo báo cáo thực trạng hoạt động của Bưu điện tỉnh điểm phục vụ bưu chính công cộng có mức tiêu thụ điện bình quân là 98.000 đồng/điểm/tháng.

Như vậy, 01 điểm phục vụ bưu chính công cộng mở cửa thêm 68 giờ/tháng để phục vụ miễn phí nhân dân dẫn đến tiền điện của mỗi điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng sẽ tăng thêm

Nhằm chia sẻ khó khăn với đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin công cộng (Bưu điện tỉnh Bắc Kạn) đang quản lý và khai thác hệ thống điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng trên địa bàn tỉnh, đề xuất xây dựng mức hỗ trợ tiền điện duy trì hoạt động của máy tính, điện thắp sáng, quạt mát phục vụ miễn phí người dân ở các vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn. Mức chi: 75.000 đồng/điểm/tháng.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Số tiền điện/tháng/1 điểm (đồng)	Số giờ mở cửa phục vụ/tháng (giờ)	Số tiền điện/1 giờ (giờ) (3)=(1)/(2)	Số giờ mở cửa thêm (giờ)	Số tiền điện hỗ trợ /tháng/điểm (đồng) (5)=(3)x(4)
98.000	88	1.114	68	75.752

2. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã tại các có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn, bản trong xã; Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông. Mức chi: Không quá 35 triệu đồng/01cụm loa.

Cơ sở đề xuất:

- Căn cứ Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, trong đó quy định Danh mục thành phần cơ bản và yêu cầu kỹ thuật của đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT gồm có: thiết bị quản lý, lưu trữ thông tin và sản xuất chương trình phát thanh (máy tính); cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông, thiết bị tích hợp tự động, Micro, loa và các thiết bị vật tư khác.

- Tham khảo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai về Quy định một số nội dung, mức chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai “Hỗ trợ mua sắm thiết bị cho đài truyền thanh xã: Đối với các cụm thu phát thanh: Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/cụm thu”.

- Căn cứ giá thị trường tại thời điểm hiện nay, Sở Thông tin và Truyền lập dự toán kinh phí cho các nội dung đề xuất cụ thể. (Có danh mục thiết bị và 03 báo giá gửi kèm).

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Căn cứ Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách năm 2023, tại biểu giao dự toán (24b) mục thông tin truyền thông được phân bổ kinh phí từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 6.850.000.000 đồng để thực hiện Tiểu dự án 1 Giảm nghèo về thông tin thuộc dự án 6 truyền thông và giảm nghèo. Dự kiến số kinh phí này thực hiện cho 02 nội dung bao gồm: Chi hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn với số tiền là: 490.750.000 đồng và chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền

thanh xã tại các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn với số tiền là: 6.359.250.000 đồng, cụ thể:

1. Chi hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với số tiền là 490.750.000 đồng.

1.1. Dự toán kinh phí:

Hỗ trợ thù lao				Hỗ trợ tiền điện				Tổng cộng	
Năm	Số điểm phục vụ	Mức chi/tháng	Số tháng	Tổng kinh phí	Số điểm phục vụ	Mức chi/tháng	Số tháng		Tổng kinh phí
2023	65	1.435.000	5	466.375.000	65	75.000	5	24.375.000	490.750.000
2024	65	1.435.000	12	1.119.300.000	65	75.000	12	58.500.000	1.177.800.000
2025	65	1.435.000	12	1.119.300.000	65	75.000	12	58.500.000	1.177.800.000
Tổng				2.704.975.000				141.375.000	2.846.350.000

Đối với năm 2023: (Dự kiến Nghị quyết được thông qua HĐND tỉnh trong kỳ họp kỳ họp thứ 14 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023 nên áp dụng thực hiện từ tháng 8/2023).

1.2. Dự kiến nguồn lực kinh phí: (đồng)

Năm	Tổng (100%)	Nguồn NS Trung ương (97%)	Nguồn đối ứng của tỉnh (3%)
2023	490.750.000	476.027.500	14.722.500
2024	1.177.800.000	1.142.466.000	35.334.000
2025	1.177.800.000	1.142.466.000	35.334.000
Tổng	2.846.350.000	2.760.959.500	85.390.500

2. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Năm 2023: dự kiến kinh phí chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã là 6.359.250.000 đồng từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương để thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023.

- Năm 2024 – 2025: Căn cứ nguồn ngân sách Nhà nước cấp cho Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

**DANH MỤC THIẾT BỊ , VẬT TƯ TỔI THIỂU CHO LẮP ĐẶT MỞ RỘNG
MỘT (01) CỤM LOA TRUYỀN THANH ỨNG DỤNG CNTT-VT THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢI M NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NHẬT C KẠN**

STT	CHI TIẾT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1	Cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Cụm	01
3	Loa nén 25W	Cái	02
4	SIM 3G/4G chuyên dụng dùng cho thiết bị IoT 2 năm (24 tháng bao gồm tiền phí hòa mạng, cước thuê bao và phôi SIM)	Cái	01
5	Bộ khung giá treo và phụ kiện lắp đặt thiết bị cụm thu và phụ kiện đồng bộ	Bộ	01
6	Cột treo loa cao 3m mạ kẽm và phụ kiện đồng bộ đi kèm	Bộ	01
7	Dây cáp điện 2x1mm ²	m	10
8	Dây cáp tín hiệu chống nhiễu chuyên dụng 4x0,75mm ² (4 lõi)	m	06